

HOSE

07/05/2014

VNINDEX 559.97 4.86 0.88%

 KLGD 52,416,806 CP
 GTGD 895.41 Tỷ
 GTR NDTNN 49.98 Tỷ

 CP Tăng giá 115 CP
 CP Giảm giá 99 CP
 CP Đứng giá 90 CP


HNX

07/5/2014

HNXINDEX 76.56 0.01 0.01%

 KLGD 35,841,781 CP
 GTGD 322.33 Tỷ
 GTR NDTNN 7.66 Tỷ

 CP Tăng giá 100 CP
 CP Giảm giá 94 CP
 CP Đứng giá 185 CP


VN30 & HNX30 INDEX

 VN30 609.51 4.31 0.71%
 HNX30 151.31 0.35 0.23%

Tâm điểm

► Lực cầu ngoại giá cao

► Thanh khoản thị trường sụt giảm xuống mức thấp
 Tổng giá trị giao dịch đạt mức khoảng 1,200 tỷ đồng.

► Niềm tin người tiêu dùng Việt Nam lên cao nhất 2 năm
 Theo báo cáo mới được Nielsen công bố
 Thanh Niên

► Tiêu thụ thép xây dựng tháng 4 thấp hơn kỳ vọng
 Theo thông tin từ Bộ Công thương
 Đầu tư

► Dữ liệu tháng 4 cho thấy kinh tế Trung Quốc tăng trưởng ổn định
 Tăng trưởng sản lượng sản xuất nước này có khả năng ổn định trong tháng 4/2014
 Reuters

► BBC: Lãi ròng hợp nhất quý 1 đạt hơn 11 tỷ đồng
 Tăng 2.5 lần so với cùng kỳ năm trước
 Công Lý

► SSC: Lợi nhuận tăng mạnh trong quý 1
 Theo đó, quý 1/2014, SSC đạt hơn 16 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế
 Công Lý

Thị trường / Ngành

Vốn hóa (tỷ)

P/E

P/B

ROE

ROA

Theo thị trường

Thị trường	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	978,994	13.4	3.1	22.9%	11.7%
HNX	123,124	16.7	1.6	8.7%	4.0%
Toàn bộ thị trường	1,102,118	14.0	3.0	22.2%	11.1%

Theo ngành

Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Nhựa, cao su & sợi	7,203	6.3	0.9	15.6%	10.5%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	19,271	7.2	1.5	21.1%	15.3%
Thép và sản phẩm thép	34,592	17.8	1.9	18.8%	8.0%
Khai khoáng	12,057	52.9	5.0	2.1%	1.5%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	19,329	17.9	1.4	17.0%	9.3%
Xây dựng	29,121	61.4	1.1	1.5%	1.6%
Máy công nghiệp	7,868	6.8	1.2	19.2%	12.9%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,523	10.5	1.3	16.7%	12.5%
Lốp xe	6,606	8.0	2.2	29.0%	12.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	14,167	13.4	1.3	12.5%	6.0%
Thực phẩm	200,489	22.8	5.0	22.7%	17.5%
Dược phẩm	15,777	12.4	3.3	26.0%	17.0%
Phần mềm	18,188	11.2	2.3	22.2%	9.6%
Sản xuất & phân phối điện	21,463	7.0	1.2	18.5%	9.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	191,565	14.8	5.4	39.9%	25.2%
Bảo hiểm nhân thọ	22,932	20.2	1.9	9.4%	2.3%
Môi giới chứng khoán	22,338	12.5	1.3	8.2%	5.8%
Ngân hàng	239,149	10.7	1.2	11.6%	0.9%
Bất động sản	133,507	12.1	2.5	31.0%	6.7%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	35,145	9.4	1.9	21.0%	8.1%

Thống kê thị trường

- HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

VietinBankSc

306 Ba Triệu
 Hai Bà Trưng
 Hanoi
 Vietnam
 Tel: (844) 3974 7952
 Fax: (844) 3974 1760
 www.vietinbanksc.com.vn

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

► Tin kinh tế

Niềm tin người tiêu dùng Việt Nam lên cao nhất 2 năm

Theo báo cáo mới được Nielsen công bố, chỉ số niềm tin người tiêu dùng Việt Nam trong quý I/2014 tăng nhẹ lên 99 điểm, từ mức 98 điểm quý cuối năm trước. Đây cũng là mức cao nhất kể từ quý IV/2011. Tiết kiệm vẫn là kênh ưu tiên hàng đầu, song dành tiền để đầu tư chứng khoán, nâng cấp nhà cửa cũng được người dân quan tâm hơn trước. Việc chỉ số này tăng liên tục trong 4 quý gần đây cho thấy người Việt lạc quan hơn về tình hình tài chính và dần thả lỏng việc chi tiêu sau gần 2 năm thất lưng buộc bụng. Tuy nhiên, những lo lắng về tương lai vẫn thường trực khi con số này vẫn dưới ngưỡng 100 điểm.

Tiêu thụ thép xây dựng tháng 4 thấp hơn kỳ vọng

Theo Bộ Công thương, lượng tiêu thụ tháng 4 của hầu hết các nhà sản xuất thép xây dựng đều thấp hơn so với tháng 3/2014. Cụ thể, tháng 4/2014, lượng sắt thép thô ước đạt 284.8 nghìn tấn, giảm 0.7% so với cùng kỳ. Tính chung 4 tháng, lượng sắt thép thô đạt 857 nghìn tấn, giảm 11%. Tính chung 4 tháng, nhập khẩu thép các loại giảm 1.6% về lượng, giảm 7.6% về trị giá.

Dữ liệu tháng 4 cho thấy kinh tế Trung Quốc tăng trưởng ổn định

Tăng trưởng sản lượng sản xuất và đầu tư nước này có khả năng ổn định trong tháng 4/2014 khi chính phủ Trung Quốc sử dụng các biện pháp chính sách mục tiêu để củng cố tăng trưởng, trong lúc việc suy giảm xuất nhập khẩu có thể giảm bớt. Đầu ra sản xuất dự kiến tăng 8.9% tháng 4 so với mức tăng 8.8% tháng 3 so cùng kỳ năm trước, trong lúc tăng trưởng đầu tư tài sản cố định khoảng 17.7% 4 tháng đầu năm so cùng kỳ năm 2013.

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

► Tin doanh nghiệp

DPM: Lợi nhuận hợp nhất sau thuế quý 1 giảm hơn 45%

Tổng công ty Phân bón và hóa chất dầu khí - CTCP (HOSE: DPM) công bố kết quả kinh doanh hợp nhất quý 1/2014. Theo đó, doanh thu thuần quý này của DPM đạt 2,502 tỷ đồng, giảm hơn 13% so với cùng kỳ. Lợi nhuận gộp theo đó cũng giảm mạnh 31%, xuống 747 tỷ đồng. Trong kỳ, DPM ghi nhận khoản lỗ 64.6 tỷ đồng từ công ty liên doanh liên kết, trong khi cùng kỳ 2013 không có khoản lỗ này. Kết quả, DPM chỉ đạt 392.3 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế hợp nhất, giảm 45.38% so với cùng kỳ; trong đó, phần lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ là 381 tỷ đồng, giảm 46% so với cùng kỳ 2013.

BBC: Lãi ròng hợp nhất quý 1 đạt hơn 11 tỷ đồng

CTCP Bibica (HOSE: BBC) ghi nhận doanh thu quý 1/2014 đạt 226.7 tỷ đồng, tăng 4.6% so với cùng kỳ. Lãi ròng đạt 11.5 tỷ đồng, gấp 2.5 lần cùng kỳ. Trong kỳ, nhờ giá vốn hàng bán giảm 3.6% nên lợi nhuận gộp tăng 26.2%, đạt 75.3 tỷ đồng. Doanh thu tài chính đạt 1.6 tỷ đồng, tăng gấp 3 lần cùng kỳ. Chi phí bán hàng tăng 21%, lên 52.7 tỷ đồng. Ngược với đó, chi phí quản lý giảm 3.3%, còn 11.2 tỷ đồng. Lợi nhuận khác đạt 580 triệu, tăng 77.9%. Cuối kỳ lãi ròng Công ty đạt 11.5 tỷ đồng, gấp 2.5 lần cùng kỳ. So với đầu năm 2014, thời điểm 31/03 tồn kho của Công ty giảm 10%, còn 78.9 tỷ đồng. Phải thu ngắn hạn còn 163 tỷ đồng, giảm 13%.

SSC: Lợi nhuận tăng mạnh trong quý 1

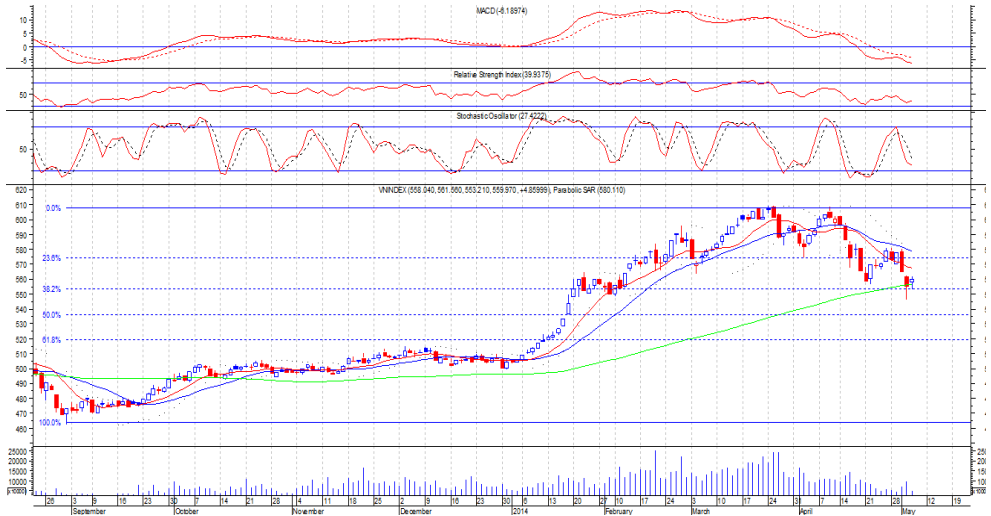
CTCP Giống cây trồng Miền Nam (HOSE: SSC) vừa công bố BCTC quý 1. Theo đó, trong quý 1/2014, doanh thu thuần của SSC đạt 103.5 tỷ đồng, xấp xỉ cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, giá vốn hàng bán đã giảm từ 78.1 tỷ đồng ở quý 1/2013 xuống còn 68.7 tỷ đồng, tương đương 12.1% đã giúp lãi gộp của Công ty theo đó tăng gần 38%, đạt 34.87 tỷ đồng. Trong quý 1, chi phí lãi vay (chiếm hơn 70% chi phí tài chính của SSC) tăng gấp nhiều lần hơn so với cùng kỳ. Chi phí bán hàng tăng 34.9% so với cùng kỳ, từ 7.3 tỷ đồng tăng lên 9.8 tỷ đồng trong quý 1/2014. Sau khi trừ các chi phí phát sinh, SSC đạt hơn 16 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tăng 4.29 tỷ đồng so cùng kỳ năm trước nhưng cũng chỉ thực hiện được 17% chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

HOSE 07/05/2014 VNINDEX 559.97 4.86 0.88% 52,416,806 CP 895.41 bil VND

Lực cầu ngại giá cao

VN-Index tăng 4.86 điểm (+0.88%), đóng cửa tại mức 559.97 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến ngắn, đóng cửa hồi phục nhẹ sau 2 phiên giảm điểm tương đối mạnh đầu tháng 5.

- MACD tiếp tục sụt giảm mạnh. Đây là tín hiệu khá xấu.
- Stochastic Oscillator dừng đà giảm và đi ngang.
- RSI tăng nhẹ lên mức 40.
- 2 đường MA10 và MA20 tiếp tục đi xuống, MA100 đóng vai trò hỗ trợ khá tốt cho VN-Index trong giai đoạn vừa rồi.
- DI-, DI+ tiếp tục gia tăng khoảng cách.



HOSE Top 5 theo KLGD

ITA	0 (0.0%)	3,700,790
FLC	-0.2 (-2.1%)	3,439,390
DLG	-0.5 (-6.2%)	2,190,730
HLA	-0.1 (-3.4%)	1,746,600
HQC	0 (0.0%)	1,743,630

HOSE Top 5 theo % tăng

GIL	1.6 (7.0%)	600
LGC	1 (6.8%)	6,440
BVH	2.3 (6.8%)	541,230
TSC	1.1 (6.8%)	85,900
CCI	0.7 (6.7%)	31,140

HOSE Top 5 theo % giảm

FPT	-14 (-21.5%)	1,115,910
PXM	-0.1 (-7.7%)	13,970
CII	-1.8 (-6.9%)	232,100
VSI	-0.6 (-6.8%)	1,280
PNC	-0.5 (-6.8%)	11,780

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

ITA	7,4 tỷ	917,140
KDC	6,7 tỷ	115,910
MSN	5,9 tỷ	63,350
PVD	5,6 tỷ	68,680
GAS	5,5 tỷ	56,100

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

VIC	-6,7 tỷ	104,350
HAG	-6,1 tỷ	251,520
HPG	-4,9 tỷ	103,960
VSH	-1,4 tỷ	89,000
HVG	-0,3 tỷ	13,320

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	2,676,220	49.98

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT hồi phục trở lại sau 2 phiên liên tiếp mất điểm mạnh, đà hồi phục lan rộng, tuy vậy lực tăng phụ thuộc nhiều vào nhóm Bluechips, cầu giá cao vẫn khá thấp.
- ▶ KLGD sụt giảm mạnh, đạt 46 triệu đơn vị. Giảm mạnh so với bq 20 phiên, điều này cho thấy giới đầu tư vẫn còn ngại giá cao, nhưng đây là tín hiệu khá an toàn.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 50 tỷ trong phiên hôm nay. Nhịp mua ròng tiếp tục tạo niềm tin khá tốt giúp nâng đỡ TT trong giai đoạn này
- ▶ Vùng hỗ trợ 550 - 560 điểm tỏ rõ sự nâng đỡ khá tốt cho thị trường. Vùng đáy được kiểm chứng lại khá tốt. Nhiều khả năng sẽ có sự hồi phục nhẹ của VN-Index.
- ▶ NĐT mạo hiểm có thể xem xét mua tích lũy nhóm CP cơ bản tốt với kỳ vọng chu kỳ tăng trung hạn. Nếu vùng hỗ trợ bị phá vỡ thì nên tránh các hoạt động bất đáy.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	98.5	186,657.50	15.1	5.6	40.6%	25.7%
VNM	833.4	134.0	111,681.00	17.4	5.9	36.4%	29.1%
MSN	734.9	93.5	68,714.21	142.5	4.7	3.2%	1.1%
VCB	2,317.4	26.7	61,875.04	14.1	1.5	10.4%	1.0%
VIC	908.8	64.5	58,615.19	8.6	4.1	54.2%	10.3%
CTG	3,723.4	15.7	58,457.45	8.5	1.1	13.2%	1.1%
BID	2,811.2	15.5	43,573.64	9.8	1.3	13.8%	0.8%
BVH	680.5	36.0	24,496.97	20.2	1.9	9.4%	2.3%
HPG	481.9	47.3	22,794.36	9.8	2.2	25.0%	10.7%
PVD	275.3	82.5	22,708.79	11.0	2.3	22.4%	9.3%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

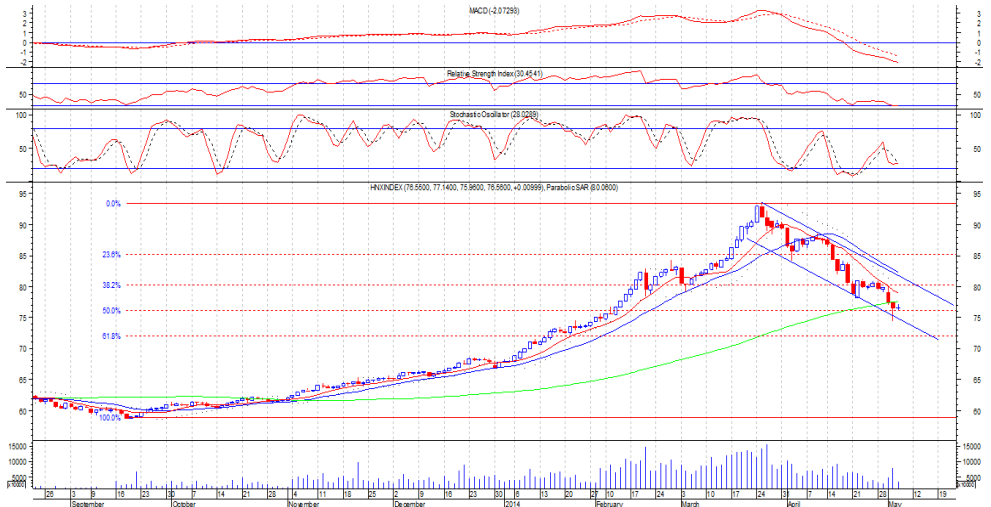
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	13.1	3,047.06	12.9	1.1	NA	TH.DOI
FPT	275.1	51.0	14,031.09	11.1	2.4	NA	TH.DOI
CII	112.9	24.3	2,742.53	20.6	1.9	NA	TH.DOI
BMP	45.5	72.5	3,297.19	8.9	2.2	NA	TH.DOI
VSC	28.6	62.0	1,776.06	7.2	1.9	NA	TH.DOI
FDC	27.6	20.6	568.77	1.9	0.8	NA	TH.DOI

HNX 07/05/2014 HNX-Index 76.56 0.01 0.01% 35,841,781 CP 322.33 bil. VND

Lực cầu ngại giá cao

Chỉ số HNX-Index tăng 0.01 điểm (+0.01%), đóng cửa tại mốc 76.56 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến với thân nến ngắn, cây nến gần giống với nến Doji thể hiện sự lưỡng lự của giới đầu tư.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator dừng đà giảm và đi ngang trở lại.
- MACD tiếp tục sụt giảm mạnh.
- RSI (14) đi ngang ở mức 30. Đây là ngưỡng quá bán. Mức thấp nhất kể từ tháng 9/2013.
- 2 đường MA10 và MA20 vẫn đang duy trì trên đường giá và vẫn có xu hướng đi xuống.



HNX Top 5 theo KLGD

PVX	-0.1 (-2.0%)	4,374,950
SCR	0 (0.0%)	3,467,580
SHB	-0.1 (-1.1%)	3,105,060
KLS	-0.3 (-2.8%)	2,337,800
SHS	-0.3 (-3.5%)	2,229,040

HNX Top 5 theo % tăng

SGH	48.5 (100.0%)	-
HMH	2 (10.0%)	145,800
VC3	1.2 (9.9%)	650
HTP	0.7 (9.9%)	1,300
BXH	0.9 (9.7%)	200

HNX Top 5 theo % giảm

AMC	-3 (-10.0%)	100
HCT	-1.3 (-10.0%)	1,000
HHL	-0.1 (-10.0%)	265,200
KLF	-1.3 (-10.0%)	991,300
GMX	-1.3 (-9.9%)	100

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	6,3 tỷ	251,100
CAN	0,6 tỷ	15,700
SDH	0,4 tỷ	61,000
ACB	0,3 tỷ	21,300
VCG	0,3 tỷ	24,700

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

SHB	-1,0 tỷ	107,600
NTP	-0,6 tỷ	8,000
PGS	-0,1 tỷ	2,500
EBS	-0,1 tỷ	7,500
APP	-0,1 tỷ	4,500

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	315,764	7.66

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT hồi phục trở lại sau 2 phiên liên tiếp mất điểm mạnh, đà hồi phục lan rộng, tuy vậy lực tăng phụ thuộc nhiều vào nhóm Bluechips, cầu giá cao vẫn khá thấp.
- ▶ KLGD sụt giảm mạnh, đạt 33 triệu đơn vị. Giảm mạnh so với bq 20 phiên, điều này cho thấy giới đầu tư vẫn còn ngại giá cao, nhưng đây là tín hiệu khá an toàn.
- ▶ Khối ngoại mua ròng nhẹ 7,6 tỷ đồng trong phiên hôm nay. Nhịp mua ròng tiếp tục tạo niềm tin khá tốt giúp nâng đỡ TT trong giai đoạn này
- ▶ Vùng hỗ trợ 74 - 76 điểm tỏ rõ sự nâng đỡ khá tốt cho thị trường. Mẫu hình nến búa đảo chiều xuất hiện. Nhiều khả năng sẽ có sự hồi phục của HNX-Index.
- ▶ NĐT mạo hiểm có thể xem xét mua tích lũy nhóm CP cơ bản tốt với kỳ vọng chu kỳ tăng trung hạn. Nếu vùng hỗ trợ bị phá vỡ thì nên tránh các hoạt động bất đáy.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	16.4	14,920.40	18.1	1.2	6.6%	0.5%
PVS	446.7	25.4	11,346.19	7.4	1.3	19.3%	6.2%
SQC	110.0	78.2	8,602.00	265.3	6.5	-2.4%	-2.0%
SHB	886.1	8.7	7,708.93	9.2	0.8	8.6%	0.7%
VCG	441.7	12.2	5,388.87	11.0	1.0	9.1%	1.9%
OCH	200.0	24.6	4,920.00	28.3	2.3	7.6%	3.4%
PVI	225.4	19.4	4,373.03	13.3	0.7	5.4%	2.9%
NTP	43.3	72.0	3,120.34	10.8	2.6	24.8%	16.7%
LAS	77.8	39.7	3,089.93	6.8	2.1	33.5%	17.5%
VNR	100.8	28.0	2,823.17	9.6	1.2	12.7%	6.9%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	29.3	1,113.40	7.2	1.3	NA	TH.DOI
AAA	19.8	18.0	356.40	6.6	0.7	NA	TH.DOI
VND	96.9	14.2	1,376.50	9.9	1.1	NA	TH.DOI
NTP	43.3	72.0	3,120.34	10.8	2.6	NA	TH.DOI
PVC	50.0	15.9	795.00	9.3	0.9	NA	TH.DOI
PVS	446.7	25.4	11,346.19	7.4	1.3	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	68,714.21	15.35%	93.5	142.54	4.66	116,354	160,833	378,642
VIC	HOSE	908.8	58,615.19	14.46%	64.5	8.58	4.08	636,754	700,193	482,640
HPG	HOSE	481.9	22,794.36	11.74%	47.3	9.75	2.24	507,998	701,691	777,036
PVD	HOSE	275.3	22,708.79	8.68%	82.5	10.95	2.28	350,788	419,301	487,056
DPM	HOSE	379.9	13,145.73	8.01%	34.6	6.72	1.46	995,295	2,195,965	1,276,010
HAG	HOSE	718.2	17,451.16	7.98%	24.3	19.12	1.37	2,396,578	2,843,184	4,706,881
VCB	HOSE	2,317.4	61,875.04	6.11%	26.7	14.09	1.45	621,771	673,314	915,645
STB	HOSE	1,142.5	22,164.72	4.13%	19.4	10.02	1.33	462,412	429,717	970,359
BVH	HOSE	680.5	24,496.97	3.08%	36.0	20.16	1.89	400,985	376,846	501,618
ITA	HOSE	718.1	5,744.60	2.71%	8.0	57.82	0.69	5,305,555	7,325,504	10,381,365
HSG	HOSE	96.3	4,459.30	2.68%	46.3	7.82	1.97	163,949	180,912	280,254
GMD	HOSE	114.4	3,295.34	2.26%	28.8	16.79	0.72	297,883	238,197	432,029
PPC	HOSE	318.2	6,490.35	2.03%	20.4	3.87	1.20	487,014	556,561	1,063,157
VSH	HOSE	206.2	3,341.11	1.74%	16.2	16.66	1.28	238,507	457,380	936,580
CSM	HOSE	67.3	2,584.01	1.64%	38.4	6.94	1.98	324,564	382,542	702,839
KBC	HOSE	289.8	2,897.61	1.48%	10.0	39.97	0.73	567,353	852,118	1,471,811
DRC	HOSE	83.1	3,597.10	1.33%	43.3	9.31	2.43	227,812	309,633	415,946
PVT	HOSE	232.6	3,047.06	1.18%	13.1	12.92	1.10	598,086	805,290	2,325,802
DIG	HOSE	143.0	2,202.13	1.01%	15.4	41.76	0.96	191,303	435,219	889,732
OGC	HOSE	300.0	3,000.00	0.91%	10.0	54.17	0.94	2,203,669	2,430,881	3,501,648
PET	HOSE	69.8	1,166.36	0.87%	16.7	7.69	0.92	470,382	516,788	934,002

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	11,346.19	5.37%	25.4	7.35	1.31	2,244,367	2,378,214	2,938,778
VIC	HOSE	908.8	58,615.19	8.00%	64.5	8.58	4.08	636,754	700,193	482,640
VCB	HOSE	2,317.4	61,875.04	7.00%	26.7	14.09	1.45	621,771	673,314	915,645
BVH	HOSE	680.5	24,496.97	6.50%	36.0	20.16	1.89	400,985	376,846	501,618
DPM	HOSE	379.9	13,145.73	5.79%	34.6	6.72	1.46	995,295	2,195,965	1,276,010
STB	HOSE	1,142.5	22,164.72	4.26%	19.4	10.02	1.33	462,412	429,717	970,359
PVD	HOSE	275.3	22,708.79	3.22%	82.5	10.95	2.28	350,788	419,301	487,056
ITA	HOSE	718.1	5,744.60	3.73%	8.0	57.82	0.69	5,305,555	7,325,504	10,381,365
SHB	HNX	886.1	7,708.93	2.86%	8.7	9.18	0.75	6,821,979	7,391,824	10,540,078
PPC	HOSE	318.2	6,490.35	1.58%	20.4	3.87	1.20	487,014	556,561	1,063,157
OGC	HOSE	300.0	3,000.00	2.33%	10.0	54.17	0.94	2,203,669	2,430,881	3,501,648
GMD	HOSE	114.4	3,295.34	1.62%	28.8	16.79	0.72	297,883	238,197	432,029
MSN	HOSE	734.9	68,714.21	8.00%	93.5	142.54	4.66	116,354	160,833	378,642
HAG	HOSE	718.2	17,451.16	2.83%	24.3	19.12	1.37	2,396,578	2,843,184	4,706,881
DRC	HOSE	83.1	3,597.10	1.28%	43.3	9.31	2.43	227,812	309,633	415,946
VCG	HNX	441.7	5,388.87	3.58%	12.2	10.95	0.96	1,480,207	1,703,786	3,869,330
PVT	HOSE	232.6	3,047.06	2.05%	13.1	12.92	1.10	598,086	805,290	2,325,802

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	908.8	58,615.19	0.00%	64.5	8.58	4.08	636,754	700,193	482,640
MSN	HOSE	734.9	68,714.21	0.00%	93.5	142.54	4.66	116,354	160,833	378,642
DPM	HOSE	379.9	13,145.73	0.00%	34.6	6.72	1.46	995,295	2,195,965	1,276,010
HAG	HOSE	718.2	17,451.16	0.00%	24.3	19.12	1.37	2,396,578	2,843,184	4,706,881
VCB	HOSE	2,317.4	61,875.04	0.00%	26.7	14.09	1.45	621,771	673,314	915,645
STB	HOSE	1,142.5	22,164.72	0.00%	19.4	10.02	1.33	462,412	429,717	970,359
BVH	HOSE	680.5	24,496.97	0.00%	36.0	20.16	1.89	400,985	376,846	501,618
CTG	HOSE	3,723.4	58,457.45	0.00%	15.7	8.53	1.07	458,828	641,292	1,140,427
GAS	HOSE	1,895.0	186,657.50	0.00%	98.5	15.11	5.57	428,066	492,668	398,606

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Royal Bank of Scotland
MSCI Frontier Markets Index

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

19/09/2011
30/11/2007

SLCKVN
TGTTSQL

9/142
22.25 mil.

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	68,714.21	0.81%	93.5	142.54	4.66	116,354	160,833	378,642
VIC	HOSE	908.8	58,615.19	0.55%	64.5	8.58	4.08	636,754	700,193	482,640
DPM	HOSE	379.9	13,145.73	0.26%	34.6	6.72	1.46	995,295	2,195,965	1,276,010
VCB	HOSE	2,317.4	61,875.04	0.20%	26.7	14.09	1.45	621,771	673,314	915,645
STB	HOSE	1,142.5	22,164.72	0.14%	19.4	10.02	1.33	462,412	429,717	970,359
BVH	HOSE	680.5	24,496.97	0.10%	36.0	20.16	1.89	400,985	376,846	501,618

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

iShares
MSCI Frontier 100 Index

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

12/09/2012
30/11/2007

SLCKVN
TGTTSQL

6/102
519.45 mil.

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

iShares
MSCI VN Investable Market Indx

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

01/12/2010

SLCKVN
TGTTSQL

4,752.96 mil.

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,203	6.3	0.9	15.6%	10.5%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	19,271	7.2	1.5	21.1%	15.3%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,681	27.9	0.7	2.0%	1.6%
Sản xuất giấy	742	7.8	0.8	11.0%	5.7%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	34,592	17.8	1.9	18.8%	8.0%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,768	4.5	0.8	17.9%	3.7%
Khai khoáng	12,057	52.9	5.0	2.1%	1.5%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	19,329	17.9	1.4	17.0%	9.3%
Xây dựng	29,121	61.4	1.1	1.5%	1.6%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,105	7.6	1.1	16.7%	8.8%
Công nghiệp phức hợp	361	3.9	0.7	20.4%	14.6%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,580	10.3	0.9	7.8%	3.8%
Thiết bị điện	1,538	13.7	0.6	-0.6%	-1.4%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	42	26.3	0.6	2.2%	1.5%
Máy công nghiệp	7,868	6.8	1.2	19.2%	12.9%
Vận tải					
Vận tải thủy	7,176	2.3	0.9	3.0%	0.7%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,523	10.5	1.3	16.7%	12.5%
Dịch vụ vận tải	5,093	7.8	1.3	18.2%	11.0%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	2,993	14.9	1.4	8.0%	1.8%
Đào tạo & Việc làm	226	18.4	0.6	4.4%	1.8%
Nhà cung cấp thiết bị	181	8.4	0.8	10.4%	4.4%
Chất thải & Môi trường	173	2.6	0.8	35.9%	16.7%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,064	20.2	1.7	13.5%	7.6%
Lốp xe	6,606	8.0	2.2	29.0%	12.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,437	7.4	1.1	15.3%	9.0%
Vang & Rượu mạnh	253	10.0	1.8	20.0%	12.5%
Đồ uống & giải khát	261	7.5	1.4	14.2%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	14,167	13.4	1.3	12.5%	6.0%
Thực phẩm	200,489	22.8	5.0	22.7%	17.5%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	43	34.3	0.5	1.6%	1.2%
Thiết bị gia dụng	2,087	7.5	1.0	13.6%	6.5%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	144	3.7	1.2	30.7%	21.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,077	8.5	1.6	17.8%	6.9%
Giày dép	9	1.3	0.5	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	5,028	9.3	1.7	16.5%	9.0%
Thuốc lá					
Thuốc lá	695	4.4	1.0	-5.5%	3.2%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	773	17.8	0.8	5.1%	2.8%
Dụng cụ y tế	163	3.9	2.1	31.9%	13.1%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	160	10.3	1.0	10.0%	6.6%
Dược phẩm	15,777	12.4	3.3	26.0%	17.0%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	388	50.8	1.2	2.4%	0.7%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	709	15.3	1.2	12.6%	8.2%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,174	8.8	1.4	14.8%	3.2%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,052	8.4	0.9	11.8%	8.0%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	153	6.7	2.9	52.7%	27.1%
Khách sạn	5,669	29.5	2.5	7.2%	3.4%
Dịch vụ giải trí	1,959	16.0	1.4	13.8%	11.3%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,211	28.5	2.0	15.4%	13.7%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	51	11.9	0.4	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	589	19.0	0.7	3.7%	1.3%
Internet	266	56.1	0.7	1.1%	0.2%
Phần mềm	18,188	11.2	2.3	22.2%	9.6%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	363	12.4	0.6	4.4%	1.6%
Thiết bị văn phòng	275	5.4	1.0	20.0%	14.9%
Thiết bị viễn thông	2,030	12.5	0.7	5.4%	4.0%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	21,463	7.0	1.2	18.5%	9.2%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	191,565	14.8	5.4	39.9%	25.2%
Nước	1,168	6.3	1.0	16.7%	11.1%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,185	9.8	0.8	8.1%	3.1%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,553	11.4	0.7	6.3%	3.2%
Tái bảo hiểm	2,874	9.6	1.2	12.7%	6.9%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	22,932	20.2	1.9	9.4%	2.3%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,000	54.2	0.9	1.7%	0.5%
Môi giới chứng khoán	22,338	12.5	1.3	8.2%	5.8%
Ngân hàng					
Ngân hàng	239,149	10.7	1.2	11.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	133,507	12.1	2.5	31.0%	6.7%
Tur Vốn, Định giá, Môi giới Bất động sản	5	203.1	0.5	0.2%	0.1%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	35,145	9.4	1.9	21.0%	8.1%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.